

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/10/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tâm**

2. Ông **Trương Văn Hôn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 42/TB-TA ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Đào Thị Cẩm N**, sinh năm 1999. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** **Lê Hữu T**, sinh năm 1992. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 17/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đào Thị Cẩm N** trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 05 năm, chị và anh T tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2018 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G. Sau khi cưới, chị về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của anh T ngụ ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Chị đi làm nhân viên spa, anh T làm nghề đo đạc đất đai tại huyện CH, thành phố Hồ Chí Minh, mỗi tháng anh T về thăm nhà khoảng 02 lần. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do kể từ khi anh T bị tai nạn giao thông thì sau mỗi lần uống rượu thường xảy ra cự cãi và đánh đập chị. Chị nhiều lần khuyên anh bỏ rượu nhưng không được. Mâu thuẫn kéo dài đến khoảng đầu tháng 2/2021 thì trầm trọng hơn, do thời gian này anh T được nghỉ Tết (âm lịch) nên thường

xuyên ở nhà tổ chức ăn nhậu với bạn bè đã xảy ra cự cãi và đánh chị (gãy sống mũi) phải nhập viện điều trị. Từ thời gian đó đến nay, chị về nhà cha mẹ ruột ngụ ấp C, xã T sinh sống và vợ chồng chị ly thân. Anh T hiện có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T chung sống có 01 con chung tên Lê Hoàng Thiên A, sinh ngày 07/6/2019 hiện đang sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hữu T vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị Đào Thị Cẩm N dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Cẩm N, cho chị N được ly hôn với anh Lê Hữu T. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Hoàng Thiên A, sinh ngày 07/6/2019 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lê Hữu T vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, nhận thấy:

Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2018, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 27/11/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo lời trình bày của chị N cũng như qua xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn là do sau mỗi lần anh T uống rượu thường xảy ra cự cãi và đánh đập chị, mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng hơn là vào đầu năm 2021, anh T đánh chị gãy sống mũi và phải nhập viện điều trị, từ đó anh chị sống ly thân và hiện anh T đang chung sống cùng người phụ nữ khác. Phía anh T vắng mặt

trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không phản đối yêu cầu ly hôn của chị, cho thấy anh cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn với anh T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị và anh T chung sống có 01 con chung tên Lê Hoàng Thiên A, sinh ngày 07/6/2019. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị N là hoàn toàn có cơ sở. Bởi lẽ, cháu A hiện còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục của người mẹ nên việc giao cháu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của chị N về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Nhận thấy, như đã nhận định trên, do chị N được giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh T hiện không có nghề nghiệp ổn định, chị N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh khả năng thu nhập của anh T và chi phí nuôi dưỡng thực tế đối với cháu A. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở buộc anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm cấp dưỡng (tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 745.000 đồng/tháng/người con). Thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị N có yêu cầu ly hôn nên phải nộp án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí là 300.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Cẩm N, cho chị N được ly hôn với anh Lê Hữu T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Lê Hoàng Thiên A, sinh ngày 07/6/2019 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng hàng tháng là $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm cấp dưỡng (tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 745.000 đồng/tháng), thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động được.

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

- Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018512 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

- Anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã T, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Bích Thiên